TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **651**/2025/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 12 tháng 06 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và L phí2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 554/2025/TLST-VHNGĐ ngày 28/03/2025 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*"giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983
2. Ông **Võ Hoàng N1**, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: K, tổ E, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hai vợ chồng ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/08/2015 tại UBND phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung. Nhưng sau đó, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vì vậy hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và không tôn trọng lẫn nhau. Do vậy đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và không thể tiếp tục sống chung với nhau được.

Vì vậy, hai vợ chồng ông bà làm đơn này kính mong Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xem xét giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà được ly hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân hiện nay

[2]. Về con chung: Có 01 con là cháu Võ Thanh T, sinh ngày 02/03/2016. Sau khi ly hôn, thống nhất giao con chung cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, ông Võ Hoàng N1 cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Võ Hoàng N1 và bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) ông Võ Hoàng N1 và bà Nguyễn Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0006225 ngày 20/03/2025.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Hoàng N1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con là cháu Võ Thanh T, sinh ngày 02/03/2016. Giao con chung cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, ông Võ Hoàng N1 phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*)/1 tháng cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông Võ Hoàng N1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Võ Hoàng N1 và bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) ông Võ Hoàng N1 và bà Nguyễn Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0006225 ngày 20/03/2025.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi

hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (GCNKH 76 ngày 13/08/2015);
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
Đã ký

Lê Hồng Ngọc